

Diễn biến thị trường trong phiên

Rating	VNI	HNI	UPCoM
Điểm	957.4	107.1	51.6
% ngày	-1.19	-2.38	-0.59
% tuần	-1.24	-2.82	-0.27
% tháng	2.75	-0.30	1.08
% năm	24.49	8.85	-9.33
GTGD (Triệu đồng)			
Trong ngày	2,649.25	516.49	162.89
Hôm qua	2,137.05	352.30	138.63
TB 1 tháng	3,799.53	572.28	150.51
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	581.05	18.11	43.72
Bán	561.28	3.63	31.86
Giá trị ròng	19.77	14.48	11.86
Độ rộng TT			
Mã Tăng	83	66	59
Mã Giảm	202	91	87
Không Đổi	68	227	588
Chỉ số chính			
P/E	18.2x	11.3x	11.4x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,066	205	845
LS Cổ tức	2.08	2.81	4.08

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

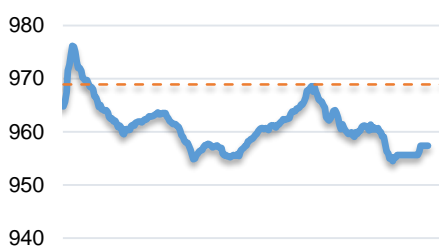
TTCK trong nước tiếp tục có những diễn biến thiếu tích cực với tất cả các chỉ số chính đều giảm điểm mạnh. Nỗi lo căng thẳng thương mại leo thang giữa Mỹ và Trung Quốc vẫn đang bao trùm các thị trường tài chính toàn cầu và ảnh hưởng tới niềm tin của giới đầu tư. Trong diễn biến mới nhất, Tổng thống Mỹ Donald Trump vừa rút lại kế hoạch áp hạn chế mới về đầu tư của Trung Quốc tại Mỹ. Bước đi trên tạm thời làm dịu bớt nỗi lo căng thẳng gia tăng, tuy nhiên các thị trường tài chính cũng phản ứng không mấy tích cực trước thông tin này.

Các NĐTNN mua/bán khá cân bằng trên sàn HOSE trong phiên với giá trị mua ròng chỉ đạt 16.1 tỷ đồng. Các cổ phiếu được mua bán mạnh gồm:

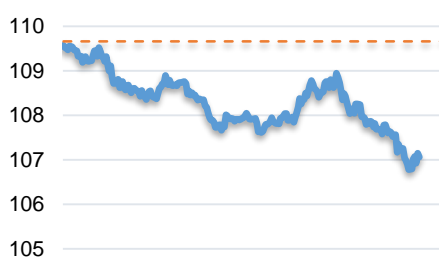
Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
VCI	84,995	VHM	(185,600)
HPG	55,275	HDB	(106,665)
VCB	20,874	VIC	(101,330)
SSI	12,650	GAS	(49,209)
DXG	12,578	MSN	(36,994)

Các cổ phiếu vốn hóa lớn tiếp tục là đối tượng bị NĐT trong nước bán ra mạnh mẽ. Nhóm cổ phiếu ngành Ngân hàng chìm trong sắc đỏ, với phiên giảm hôm nay thì nhiều cổ phiếu trong nhóm này đã quay về vùng đáy cuối tháng 5 như CTG, BID, VIB, ACB, MBB. Nhiều cổ phiếu đầu ngành cũng mất điểm mạnh trong phiên như PNJ, SSI, FPT... trong đó, đáng chú ý có PNJ giảm sàn. Nhóm cổ phiếu đầu cơ cũng đã chứng lại đà tăng ở những phiên trước và bị NĐT chốt lời trước những diễn biến kém tích cực của thị trường.

VNINDEX



HNX INDEX



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ hồi phục nhẹ trong phiên giao dịch 29/06/2018 với khối lượng giao dịch vẫn ở mức thấp. Đồng thời, tâm lý nhà đầu tư đã quay lại trạng thái bi quan và nhiều cổ phiếu đã rơi về lại gần vùng đáy trong tháng 05/2018 cho nên nhiều khả năng lực cầu bắt đáy có thể sẽ gia tăng dần trong vài phiên tới. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu vẫn duy trì ở mức thấp cho thấy rủi ro ngắn hạn vẫn ở mức cao và nhịp hồi phục sẽ chưa bền vững.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính và giữ mức kháng cự của hệ thống ở mức 1006.05 điểm của chỉ số VN-Index và 116.85 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn nên tiếp tục đứng ngoài thị trường và duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp. Ngoài ra, các nhà đầu tư tham gia lướt sóng cũng nên hạ tỷ trọng cổ phiếu về mức khuyến nghị.

Tỷ trọng khuyến nghị: 29% cổ phiếu/71% tiền mặt.

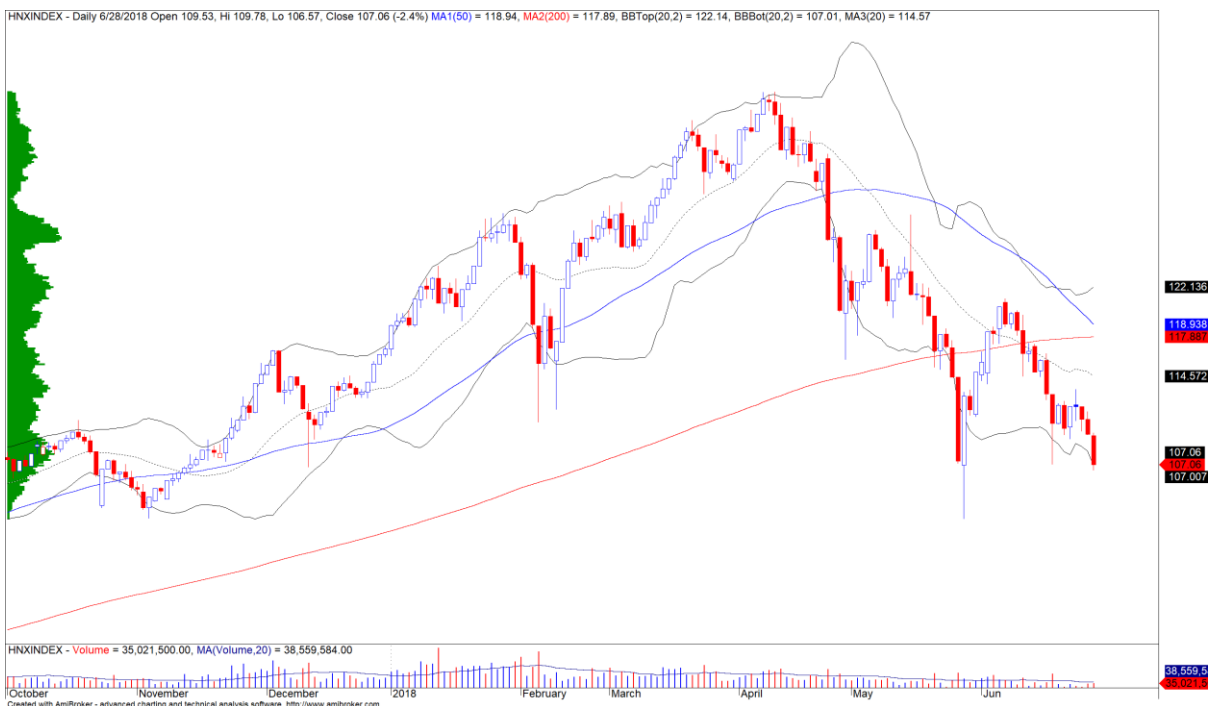


We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	1,000.0	1,026.6	975.0	894.0
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	121.0	126.5	112.9	107.0



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	18.90	GIẢM	GIẢM		20.38				22.42		
ACB	36.10	GIẢM	GIẢM		42.02				46.17		
BFC	27.60	GIẢM	GIẢM		29.37				31.94		
BHN	97.00	GIẢM	GIẢM		116.26				132.78		
BID	25.90	GIẢM	GIẢM		29.49				36.70		
BMP	59.50	GIẢM	GIẢM		63.33				63.44		
BSR	17.80	GIẢM	TĂNG		19.44						
BVH	81.70	GIẢM	GIẢM		90.62				105.65		
BWE	16.50	GIẢM	GIẢM		17.30				21.09		
CEO	13.40	GIẢM	GIẢM		15.83				17.99		
CHP	23.00	TĂNG	GIẢM	24.65	22.63	-6.69%			23.35		
CSM	14.20	GIẢM	TĂNG		14.84			14.80	12.77	-4.05%	
CTD	151.00	TĂNG	TĂNG	138.00	149.26	9.42%		155.00	128.22	-2.58%	MUA
CTG	24.30	GIẢM	GIẢM		27.25				32.81		
CTI	27.90	GIẢM	GIẢM		29.34				34.33		
CVT	28.20	GIẢM	GIẢM		31.65				33.98		
DGW	26.00	GIẢM	TĂNG		27.45			16.40	24.79	58.54%	
DHA	29.30	TĂNG	GIẢM	28.70	28.37	2.09%			30.63		
DHC	41.60	GIẢM	GIẢM		44.07				46.93		
DHG	102.00	GIẢM	TĂNG		107.80			115.00	96.90	-11.30%	
DPG	50.80	GIẢM	GIẢM		53.98				62.82		
DPM	17.10	GIẢM	GIẢM		17.76				18.72		
DPR	39.00	GIẢM	GIẢM		40.35				42.17		
DQC	32.40	GIẢM	GIẢM		33.82				37.41		
DRC	23.90	TĂNG	GIẢM	22.40	22.32	6.70%			24.80		
DXG	26.80	GIẢM	TĂNG		31.61			33.75	26.32	-20.59%	
ELC	10.00	GIẢM	GIẢM		11.36				12.46		
FCN	17.00	TĂNG	TĂNG	15.40	15.94	10.39%		17.70	13.53	-3.95%	
FIT	4.51	GIẢM	GIẢM		4.84				6.28		
FMC	20.40	GIẢM	GIẢM		22.76				24.44		
FPT	42.50	GIẢM	GIẢM		46.63				52.83		
GAS	87.30	GIẢM	GIẢM		95.19				119.25		
GIL	40.30	TĂNG	TĂNG	44.00	40.12	-8.41%		34.90	40.00	15.47%	
GMD	25.50	GIẢM	GIẢM		27.59				29.31		
GTN	8.93	GIẢM	GIẢM		9.91				11.53		
HAG	5.00	TĂNG	GIẢM	5.01	4.76	-0.20%			5.68		
HAX	15.80	GIẢM	GIẢM		17.04				18.67		
HBC	24.20	GIẢM	TĂNG		27.20			25.90	21.52	-6.56%	MUA

We Create Fortune

HDB	34.60	GIẢM	GIẢM		38.68				44.56	
HNG	9.90	TĂNG	TĂNG	8.36	9.19	18.42%		8.20	7.24	20.73%
HPG	38.85	GIẢM	TĂNG		41.89			43.80	36.64	-11.30%
HSG	12.10	TĂNG	GIẢM	11.30	11.80	7.08%			13.72	
HT1	11.65	GIẢM	GIẢM		12.78				14.31	
HUT	6.00	GIẢM	GIẢM	6.80	6.01	-11.63%	BÁN		7.82	
HVN	33.40	TĂNG	GIẢM	33.10	32.59	0.91%			47.23	
ITD	12.20	GIẢM	TĂNG		13.45			12.40	11.14	-1.61%
KBC	12.00	GIẢM	GIẢM		12.94				14.33	
KDH	31.00	GIẢM	GIẢM		32.67				37.45	
KSB	35.35	GIẢM	GIẢM		38.81				40.92	
LCG	9.21	GIẢM	GIẢM		9.74				9.54	
LIX	41.50	GIẢM	GIẢM		43.27				46.98	
LPB	11.20	GIẢM	GIẢM		12.26				17.46	
LSS	7.87	GIẢM	GIẢM		8.35				9.60	
MSN	79.00	GIẢM	GIẢM		86.35				98.60	
MWG	114.70	GIẢM	TĂNG		123.44			121.00	104.78	-5.21%
NKG	16.00	GIẢM	GIẢM		17.80				18.17	
NLG	28.10	GIẢM	GIẢM		30.45				31.83	
NT2	29.30	TĂNG	GIẢM	29.80	28.46	-1.68%			31.66	
NTL	9.56	GIẢM	TĂNG	9.78	9.60	-1.80%	BÁN	10.45	8.94	-8.52%
NTP	46.00	GIẢM	GIẢM		50.12				58.36	
PAC	39.85	TĂNG	GIẢM	42.50	38.21	-6.24%			45.35	
PC1	32.30	TĂNG	GIẢM	32.30	30.68	0.00%			34.50	
PDR	30.60	TĂNG	GIẢM	32.30	30.24	-5.26%			33.68	
PGC	14.30	TĂNG	GIẢM	14.35	13.76	-0.35%			15.72	
PHR	21.00	GIẢM	GIẢM		23.96				26.99	
PLC	15.60	GIẢM	GIẢM		16.94				19.51	
PLX	59.00	TĂNG	GIẢM	65.60	58.92	-10.06%			74.79	
PNJ	90.30	GIẢM	GIẢM		110.03				126.50	
POW	13.10	GIẢM	TĂNG		13.98					
PPC	17.60	TĂNG	GIẢM	17.75	16.86	-0.85%			19.39	
PTB	55.90	GIẢM	GIẢM		63.13				104.22	
PVD	13.45	GIẢM	GIẢM		14.25				17.99	
PVI	29.00	GIẢM	GIẢM	31.01	29.34	-5.39%			34.16	
PVS	17.40	TĂNG	GIẢM	17.70	15.99	-1.69%			22.02	
PXS	5.19	GIẢM	GIẢM		5.44				7.11	
RAL	102.00	GIẢM	GIẢM		109.29				122.54	
REE	31.30	GIẢM	GIẢM		33.00				37.12	
SAB	219.40	GIẢM	TĂNG		237.47			252.40	207.41	-13.07%
SAM	6.90	GIẢM	GIẢM		7.17				8.11	
SBV	28.90	GIẢM	GIẢM		29.58				31.14	
SCR	8.90	GIẢM	GIẢM		9.83				11.17	



We Create Fortune

SHI	6.95	TĂNG	TĂNG	7.00	6.32	-0.71%		6.99	5.88	-0.57%	
SJS	20.90	GIẢM	GIẢM		22.60				25.43		
SKG	19.80	GIẢM	TĂNG		21.71			20.60	19.70	-3.88%	MUA
SSI	28.50	GIẢM	GIẢM		33.16				37.51		
STB	11.55	GIẢM	GIẢM		12.59				13.83		
SVC	45.00	GIẢM	GIẢM		48.36				51.89		
TCM	19.70	GIẢM	GIẢM		21.24				22.70		
TDH	13.60	GIẢM	GIẢM		14.52				15.83		
TLH	8.66	GIẢM	GIẢM		9.13				10.83		
TMT	7.00	GIẢM	GIẢM		7.76				10.56		
TNG	10.40	GIẢM	GIẢM		10.88				14.43		
TYA	11.25	GIẢM	GIẢM		12.00				14.12		
VCB	57.90	TĂNG	GIẢM	54.10	54.88	7.02%			64.41		
VFG	39.00	TĂNG	GIẢM	35.96	36.80	8.44%		44.69	41.83	-6.40%	
VGC	21.50	GIẢM	GIẢM		25.11				26.55		
VIB	26.80	GIẢM	GIẢM		29.56				34.84		
VIC	107.50	TĂNG	GIẢM	116.00	96.75	-7.33%			132.50		
VIP	6.90	GIẢM	TĂNG		7.21			6.71	6.82	2.77%	
VJC	166.10	GIẢM	GIẢM		176.74				184.83		
VKC	6.40	GIẢM	TĂNG		6.80			6.80	5.68	-5.88%	
VNM	170.00	GIẢM	GIẢM	178.00	170.83	-4.03%	BÁN		184.77		
VPB	29.50	GIẢM	GIẢM	32.90	29.70	-9.72%	BÁN		33.19		
VRC	18.20	TĂNG	GIẢM	17.10	16.78	6.43%			19.26		
VRE	38.10	GIẢM	GIẢM		42.45				51.30		
VSC	34.50	GIẢM	TĂNG		36.78			35.30	29.50	-2.27%	MUA
VSH	17.20	GIẢM	TĂNG		17.58			17.40	16.36	-1.15%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	957.35	(1.19)
VN30	947.03	(1.48)
VN Mid	952.97	(2.39)
VN Small	819.50	(0.73)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	581.05	
Bán	561.28	
GT rỗng	19.77	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VIC	4,029	3.9%
SBT	400	2.6%
QCG	200	2.2%
FTM	350	2.2%
VIS	600	2.1%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
LDG	(900)	-7.0%
PNJ	(6,700)	-6.9%
ANV	(1,600)	-6.8%
DXG	(1,500)	-5.3%
FLC	(270)	-5.1%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTGD > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	343,100	
VHM	294,757	
VNM	246,712	
VCB	208,311	
GAS	167,088	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
FLC	9.34	5.80
KSA	6.10	-
SSI	5.74	5.19
CTG	5.53	4.87
MBB	5.51	5.04

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	107.06	(2.38)
HN30	192.22	(2.97)
VNX AllSh	1,346.04	(1.62)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	18.11	
Bán	3.63	
GT rỗng	14.48	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SHN	400	4.0%
L14	1,000	3.2%
DBC	400	1.9%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VGC	(2,300)	-9.7%
NDN	(1,200)	-8.2%
ACB	(1,400)	-3.7%
VCS	(3,000)	-3.5%
HUT	(200)	-3.2%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	39,150	
VCS	13,120	
SHB	9,986	
VGC	9,640	
PVS	7,773	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
VGC	5.54	2.22
ACB	5.07	4.00
SHB	4.69	8.25
PVS	3.50	4.30
HUT	1.82	1.43

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	51.65	(0.59)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	43.72	
Bán	31.86	
GT rỗng	11.86	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SCS	4,500	2.5%
MIG	200	1.5%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
QNS	(1,100)	-3.0%
DVN	(400)	-2.6%
BSR	(400)	-2.2%
LPB	(200)	-1.8%
LTG	(500)	-1.3%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	200,296	
BSR	54,569	
MCH	47,735	
HVN	41,571	
GVR	36,000	

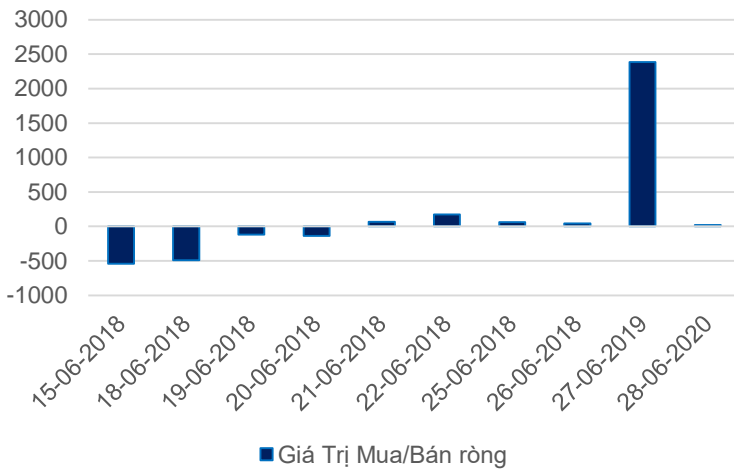
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
OIL	2.37	0.71
BSR	1.31	1.02
LPB	0.83	1.80
POW	0.64	1.32
HVN	0.29	0.46

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create **Fortune**

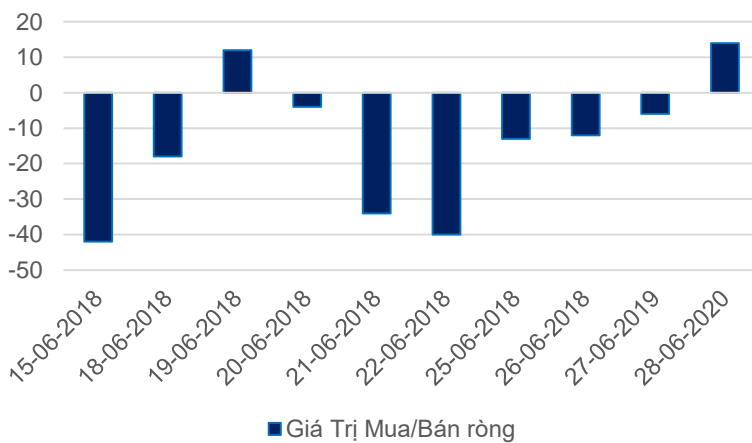
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
VCI	84,995	VHM	(185,600)
HPG	55,275	HDB	(106,665)
VCB	20,874	VIC	(101,330)
SSI	12,650	GAS	(49,209)
DXG	12,578	MSN	(36,994)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

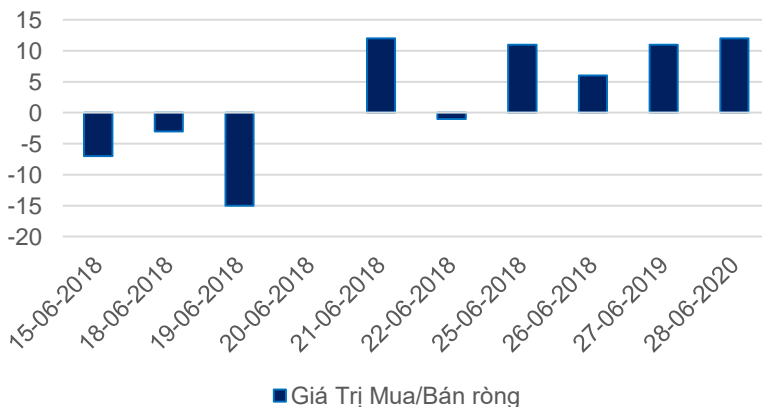
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
PVS	13,697	VCS	(819)
CEO	889	TV3	(522)
SHS	864	HUT	(510)
DBC	227	VC3	(372)
SHB	216	PTI	(174)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại UPCoM



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
ACV	8,295	BSR	(13,879)
HVN	5,344	OIL	(1,059)
SCS	5,072	FOX	(62)
QNS	3,551	TOP	(60)
MCH	2,291	SKH	(59)

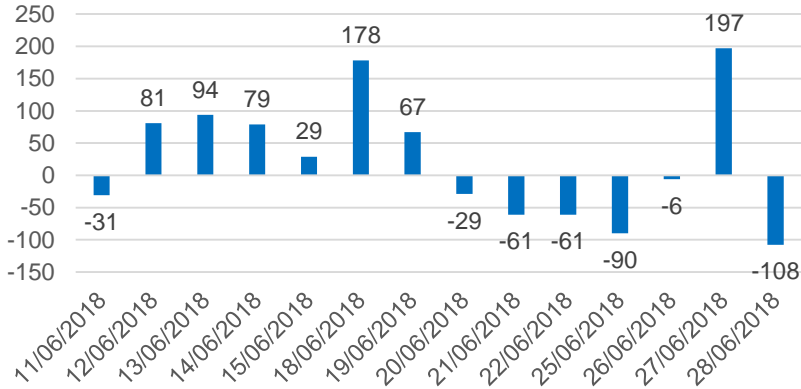
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

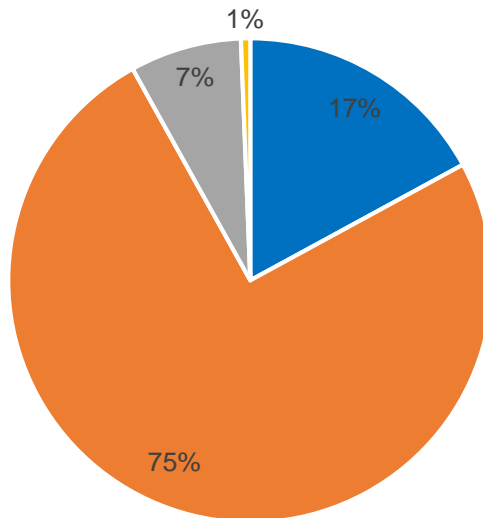


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VND)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VND)
VIS	57,000	MSN	28,734
HPG	11,586	NVL	23,376
VIC	11,209	FPT	23,179
E1VFN30	2,211	MBB	17,072
MSN	2,171	DXG	12,798

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



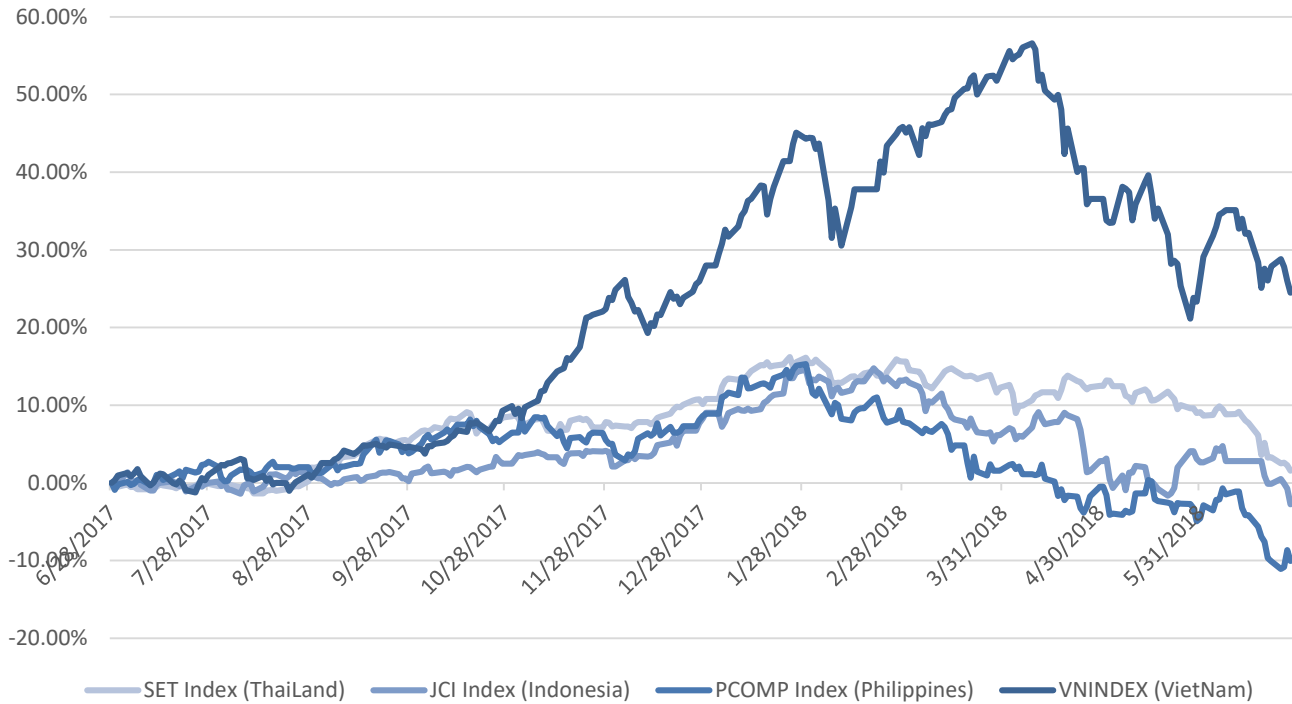
- Tổ chức nước ngoài
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức trong nước
- Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

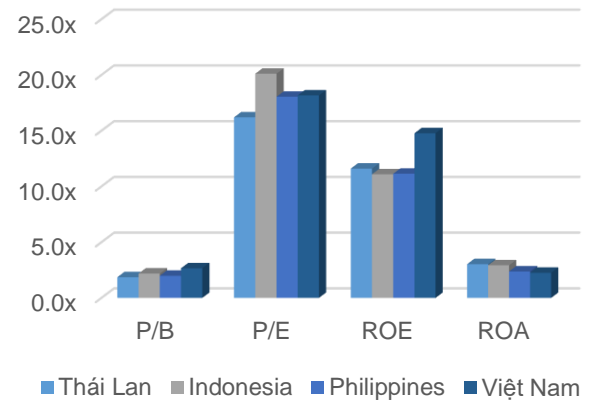
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.9x	2.2x	2.0x	2.7x
P/E		16.2x	20.1x	18.0x	18.2x
ROE	%	11.60	11.09	11.14	14.77
ROA	%	3.03	2.93	2.37	2.26
Vốn hóa	Tỷ USD	492.33	453.67	167.22	133.69
GTGD	Triệu USD	1.40	0.37	0.09	0.12
LS cổ tức	%	3.21	2.41	1.78	2.08

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written